

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

**Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014**

**Được soát xét bởi:  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**

## MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	1 – 3
2	<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	4
3	<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>	
-	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	5 – 6
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	7 – 8
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	9
-	<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ</i>	10
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	11 – 24

*Handwritten marks*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kết thúc ngày 30/06/2014.

#### **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 năm 3 năm 2009, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh chứng khoán.

#### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:**

**Các thành viên Hội đồng quản trị:**

Ông Park Jong Hyun	Chủ tịch
Bà Võ Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện Toàn	Ủy viên
Ông Vũ Đức Nghĩa	Ủy viên
Ông Jin Woo Hyun	Ủy viên
Ông Lee Yun Ki	Ủy viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*

*Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:*

Ông Vũ Đức Nghĩa

Tổng Giám đốc

Ông Trần Nhật Huy

Phó Tổng Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng và đặt cọc cho các cá nhân ngoài Công ty có tài sản đảm bảo để thực hiện việc mua chứng khoán không niêm yết với giá trị là 216 tỷ đồng (loại giao dịch này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 070822/ĐHĐCĐ-BBH ngày 22 tháng 08 năm 2007). Tuy nhiên việc thực hiện các giao dịch không thành công nên Công ty đã thu hồi lại bằng tiền mặt. Đến thời điểm 30/06/2014, số dư tiền đặt cọc là 51,7 tỷ đồng và đến thời điểm lập Báo cáo này Công ty đã thu hồi hết bằng tiền mặt. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện các giao dịch trên là hoàn toàn phù hợp với các quy định hiện hành.

Do kỳ vọng của Công ty về việc đầu tư hệ thống phần mềm chỉ số, phần mềm giao dịch chứng khoán và phần mềm quản lý khách hàng sẽ thu được nhiều lợi ích hơn so với giá trị đầu tư ban đầu và doanh thu sẽ tăng mạnh khi nền kinh tế Việt Nam hồi phục. Vì vậy, Công ty đã đầu tư cho các tài sản nêu trên với giá trị khoảng 35 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty khẳng định, việc mua sắm và đầu tư này thuộc thẩm quyền của mình và nằm trong chiến lược phát triển của Công ty từ khi thành lập đến nay. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc ghi nhận tài sản cố định vô hình, chi phí khấu hao và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như hiện tại là phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những kỳ kế toán tiếp theo.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán này đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*

doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.

- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty trong kỳ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**VŨ ĐỨC NGHĨA**

**Tổng Giám đốc**

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

## THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669  
Chi nhánh Miền nam : C14, Quang Trung, phường 11 - Tel: (08)3 589 7462 - Fax: (08)3 589 7464  
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM : Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM - Tel: (08)3 848 0763 - Fax: (08)3 526 7187  
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng - Tel: (0511)3 651 818 - Fax: (0511)3 651 868  
Chi nhánh Lạng Sơn : Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu - Tel: (025)3 718 545 - Fax: (025)3 716 264

Số: 161.2/2014 /BCKT - TC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV được lập ngày 28 tháng 08 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty không thực hiện tính và trích lập dự phòng phải thu khó đòi bổ sung cho các khoản công nợ phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán từ trước năm 2009 theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo ước tính của chúng tôi, giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập bổ sung tại thời điểm 30/06/2014 là 3.690.050.958 VND.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì những lý do nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2014

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**

**Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**TU QUYNH HẠNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0313-2014-045-1

**PHAN VĂN THUẬN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2024-2014-045-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014**Đơn vị tính: VND*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã Số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>99.723.828.872</b>	<b>88.952.761.972</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.386.093.844</b>	<b>16.999.673.083</b>
1. Tiền	111	V.01	13.386.093.844	16.999.673.083
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>9.711.515.870</b>	<b>55.341.123.206</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.711.515.870	55.341.123.206
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>72.946.555.312</b>	<b>13.633.766.544</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.619.727.450	3.517.840.795
2. Trả trước cho người bán	132		7.408.134.495	1.025.795.708
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		4.070.743.619	8.314.290.719
5. Các khoản phải thu khác	138		60.348.538.201	1.276.427.775
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(500.588.453)	(500.588.453)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.156.615.601</b>	<b>892.175.819</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.156.615.601	892.175.819
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.523.048.245</b>	<b>2.086.023.320</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		364.511.279	20.889.011
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		95.217.689	95.217.689
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	2.063.319.277	1.969.916.620
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>50.492.790.538</b>	<b>57.789.501.573</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.071.556.651</b>	<b>42.094.872.883</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2.794.900.086	2.942.124.678
- Nguyên giá	222		5.441.568.944	5.441.568.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.646.668.858)	(2.499.444.266)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	20.112.503.926	20.759.437.066
- Nguyên giá	228		25.036.576.214	25.036.576.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.924.072.288)	(4.277.139.148)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	12.164.152.639	18.393.311.139
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>13.207.098.000</b>	<b>13.207.098.000</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		85.500.000	85.500.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258		13.121.598.000	13.121.598.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.214.135.887</b>	<b>2.487.530.690</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.050.202.153	1.242.274.639
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		874.289.963	874.289.963
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	289.643.771	370.966.088
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>150.216.619.410</b>	<b>146.742.263.545</b>

✓

m2 22

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.879.478.493</b>	<b>10.588.041.806</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.879.478.493</b>	<b>10.588.041.806</b>
2. Phải trả người bán	312		565.739.799	1.023.893.045
3. Người mua trả tiền trước	313		230.296.271	207.296.271
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	195.513.725	645.338.989
5. Phải trả người lao động	315		255.761.000	329.218.002
6. Chi phí phải trả	316		163.257.395	72.465.273
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	2.078.451.812	2.030.160.194
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		10.276.302.086	6.165.513.377
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		114.156.405	114.156.655
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>136.337.140.917</b>	<b>136.154.221.739</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.13	<b>136.337.140.917</b>	<b>136.154.221.739</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		113.649.448	113.649.448
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.649.448	113.649.448
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.109.842.021	926.922.843
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>150.216.619.410</b>	<b>146.742.263.545</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		59.886	173.765
6. Chứng khoán lưu ký	006		149.294.420.000	149.201.170.000

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THU

NGUYỄN THỊ LAN ANH

VŨ ĐỨC NGHĨA



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2014	Quý II năm 2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>1</b>		<b>3.718.037.811</b>	<b>2.237.675.477</b>	<b>5.530.001.172</b>	<b>3.469.909.257</b>
<i>Trong đó:</i>						
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		259.619.393	165.972.537	554.712.398	358.821.575
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		127.762.500	13.374.800	150.960.800	13.382.800
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.657.787.225		3.629.145.675	30.960.000
- Doanh thu khác	01.9		672.868.693	2.058.328.140	1.195.182.299	3.066.744.882
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>3.718.037.811</b>	<b>2.237.675.477</b>	<b>5.530.001.172</b>	<b>3.469.909.257</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>		<b>2.097.358.335</b>	<b>1.836.930.536</b>	<b>3.950.875.217</b>	<b>3.576.144.607</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.620.679.476</b>	<b>400.744.941</b>	<b>1.579.125.955</b>	<b>(106.235.350)</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>		<b>874.322.640</b>	<b>1.320.826.936</b>	<b>1.400.854.215</b>	<b>2.245.424.956</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>746.356.836</b>	<b>(920.081.995)</b>	<b>178.271.740</b>	<b>(2.351.660.306)</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>5.765.458</b>	<b>10.820.060</b>	<b>17.191.358</b>	<b>17.052.783</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>1.292.259</b>	<b>516.109</b>	<b>4.554.326</b>	<b>4.253.321</b>
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>4.473.199</b>	<b>10.303.951</b>	<b>12.637.032</b>	<b>12.799.462</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>750.830.035</b>	<b>(909.778.044)</b>	<b>190.908.772</b>	<b>(2.338.860.844)</b>
<b>12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	VI.15	<b>7.989.594</b>	<b>0</b>	<b>7.989.594</b>	<b>0</b>
<b>13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>742.840.441</b>	<b>(909.778.044)</b>	<b>182.919.178</b>	<b>(2.338.860.844)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>					

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**

**Người lập**



**NGUYỄN THỊ THU**

**Kế toán trưởng**



**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2014

**Tổng Giám đốc**



**VŨ ĐỨC NGHĨA**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>190.908.772</b>	<b>(2.338.860.844)</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ	02	794.157.732	754.982.392
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(740.599.405)	(2.639.425.290)
- Chi phí lãi vay	06	0	0
- Lãi, lỗ từ thanh lý tài sản cố định	07	0	0
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>244.467.099</b>	<b>(4.223.303.742)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(14.220.775.089)	20.679.535.807
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(264.439.782)	0
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.313.110.730	6.414.525.299
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(151.549.782)	(214.750.853)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29.663.637)	0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	81.322.317	257.354.802
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>(11.027.528.144)</b>	<b>22.913.361.313</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(475.891.500)	(4.422.820.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	40.349.241.000	(41.149.241.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(33.200.000.000)	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	740.599.405	2.639.425.290
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>7.413.948.905</b>	<b>(42.932.635.710)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<b>50</b>	<b>(3.613.579.239)</b>	<b>(20.019.274.397)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	<b>60</b>	<b>16.999.673.083</b>	<b>41.323.266.218</b>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<b>70</b>	<b>13.386.093.844</b>	<b>21.303.991.821</b>

Người lập

NGUYỄN THỊ THU

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2014



Tổng Giám đốc

VŨ ĐỨC NGHĨA



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý 2 năm 2014****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 năm 3 năm 2009, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở hoạt động: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 135.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Worri	66.150.000.000	49%
2	Ông Vũ Đức Nghĩa	8.500.000.000	6%
3	Bà Võ Thị Hồng Vân	7.000.000.000	5%
4	Các cá nhân khác	53.350.000.000	40%
<b>Cộng</b>		<b>135.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh chứng khoán.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014*

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

#### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính niên độ.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

### IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

##### 1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

##### 1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

##### 2.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

*Handwritten signature and initials*

*Red stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV - TP. H*

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**Phải thu khách hàng**

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

**Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

**2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 30/06/2014, Ban Giám đốc đánh giá mức độ tổn thất của các khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là 10%. Do Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu hồi được các khoản công nợ này trong thời gian tới nên chỉ trích lập dự phòng phải thu khó đòi mức 10% trên tổng số dư nợ khó đòi.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:** Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 18 năm
- Máy móc, thiết bị	08 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 – 15 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 – 20 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận**

**Đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

**Đầu tư chứng khoán dài hạn**

Đầu tư chứng khoán dài hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán và được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;

*Handwritten signatures and stamps:*  
✓  
M. C. P.  
H. C.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014*

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

### 4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

#### Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \left[ \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

#### Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán} \\ \text{bị giảm giá tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \left[ \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array} \right]$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ

- Chi phí khác.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí khác.

✓  
mm 2l

P: 2  
CÔ  
CÔ  
CHỨ  
WOO  
TAY KIE



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

#### ***Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.***

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

#### ***Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán***

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

✓  
ph  
nh

3 -  
G T Y  
HÀN  
KHO  
/ CB  
- TP

***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:***

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:***

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

***Doanh thu hoạt động tư vấn:***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

***Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:***

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

***Doanh thu khác:***

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi uỷ thác đầu tư, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp**

***Chi phí quản lý doanh nghiệp:*** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

✓  
nhz ch



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

*Đơn vị tính: VND*

<b>01. Tiền</b>	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	44.561.164	140.254.117
- Tiền gửi ngân hàng	13.341.532.680	16.859.418.966
+ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	10.250.980.256	6.141.323.167
+ Tiền gửi của Công ty	3.090.552.424	10.718.095.799
<b>Cộng</b>	<b>13.386.093.844</b>	<b>16.999.673.083</b>

**Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Khối lượng GD thực hiện trong kỳ	Giá trị KLGD thực hiện trong kỳ
<b>a. Của công ty chứng khoán</b>	<b>127.660</b>	<b>16.996.670.000</b>
- Cổ phiếu	127.660	16.996.670.000
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
<b>b. Của nhà đầu tư</b>	<b>3.628.675</b>	<b>278.188.665.600</b>
- Cổ phiếu	3.628.675	278.188.665.600
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.756.335</b>	<b>295.185.335.600</b>

✓  
T.M.T. 22

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**

**02. Đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trường				Ghi chú
	Cuối quý	Đầu năm	Cuối quý	Đầu năm	Tăng		Giảm		
					Cuối quý	Đầu năm	Cuối quý	Đầu năm	
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>	1.194	1.194	11.515.870	11.515.870	0	0	0	0	11.515.870
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.194	1.194	11.515.870	11.515.870	0	0	0	0	11.515.870
- <i>Cổ phiếu</i>	597	597	11.515.870	11.515.870	0	0	0	0	11.515.870
<b>III. Đầu tư góp vốn</b>	100	100	13.207.098.000	13.207.098.000	0	0	0	0	13.207.098.000
- Vốn góp liên doanh, liên kết	0	0	85.500.000	85.500.000	0	0	0	0	85.500.000
- Đầu tư dài hạn khác	100	100	13.121.598.000	13.121.598.000	0	0	0	0	13.121.598.000
<b>IV. Đầu tư tài chính khác</b>	0	0	9.700.000.000	55.329.607.336	0	0	0	0	9.700.000.000
- Hợp đồng Ứng trước tiền bán chứng khoán	0	0	0	770.085.336	0	0	0	0	770.085.336
- Hợp đồng mua chứng khoán chưa niêm yết có kỳ hạn	0	0	0	8.923.681.000	0	0	0	0	8.923.681.000
- Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn	0	0	0	28.786.600.000	0	0	0	0	28.786.600.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	0	0	9.700.000.000	16.849.241.000	0	0	0	0	9.700.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.294</b>	<b>1.294</b>	<b>22.918.613.870</b>	<b>68.548.221.206</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22.918.613.870</b>
									<b>68.548.221.206</b>

(1) Công ty cùng với các đối tác là Huy Vietnam Group và Asia Jinli Capital Limited (AJCL) ký hợp đồng đầu tư mua bán cổ phần của Huy Vietnam Group. Trong đó, Công ty sẽ mua lại 100 cổ phần của AJCL tại Huy Vietnam Group với giá là 6.207 USD/cổ phiếu (mệnh giá 1 USD/cổ phiếu). Trong trường hợp Huy Vietnam Group không niêm yết thành công trước ngày 30 tháng 6 năm 2016 thì Huy Vietnam Group sẽ phải hoàn trả cho Công ty số tiền gốc và một khoản phí bằng 20% vốn đầu tư. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã chuyển cho Huy Vietnam Group 620.700 USD tương đương với 13.121.598.000 đồng quy đổi theo tỷ giá tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt NamVietcombank ngày 08 tháng 08 năm 2013 là 21.140 đồng. Các bên thừa nhận và đồng ý rằng cổ phiếu sẽ được giữ dưới tên của Công ty theo các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận thế chấp cổ phiếu. Huy Vietnam Group đã cấp giấy chứng nhận sở hữu số cổ phần nói trên cho Công ty vào ngày 09 tháng 8 năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014****03. Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số PS trong kỳ		Số cuối kỳ		Số dư phòng		
	Trong kỳ	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn			
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>
1. Phải thu của khách hàng	3.517.840.795	103.727.450	87.121.500	1.594.648.750	3.492.762.095	1.619.727.450	103.727.450	87.121.500	87.121.500
2. Trả trước cho người bán	1.025.795.708	0	0	7.565.084.368	1.182.745.581	7.408.134.495	0	0	0
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8.314.290.719	8.314.290.719	8.314.290.719	63.635.531	4.307.182.631	4.070.743.619	4.070.743.619	4.070.743.619	413.466.953
5. Phải thu khác	1.276.427.775	0	0	225.224.078.097	166.151.967.671	60.348.538.201	0	0	0
- Ngân hàng BIDV (tiền bán chứng khoán tự doanh)	0	0	0	8.297.900.000	0	8.297.900.000	0	0	0
- Thoả thuận đặt cọc mua chứng khoán (*)	0	0	0	216.513.690.000	164.769.690.000	51.744.000.000	0	0	0
- Các khoản phải thu khác	1.276.427.775	0	0	412.488.097	1.382.277.671	306.638.201	0	0	0
<b>Tổng cộng:</b>	<b>14.134.354.997</b>	<b>8.418.018.169</b>	<b>8.401.412.219</b>	<b>241.920.364.674</b>	<b>184.505.689.251</b>	<b>73.447.143.765</b>	<b>4.174.471.069</b>	<b>4.157.865.119</b>	<b>500.588.453</b>

(\*) Thỏa thuận đặt cọc trước cho một số đối tác là cá nhân bằng tiền mặt để các đối tác thu mua hộ cho Công ty cổ phần hoặc phần vốn góp (chứng khoán) của các tổ chức theo thỏa thuận. Vào thời điểm kết thúc tài khoản, nếu việc thu mua thành công thì các đối tác là cá nhân phải thực hiện một thủ tục cần thiết để chuyển quyền sở hữu cổ phần/phần vốn góp lại cho Công ty và nhận được một khoản phí thực hiện dịch vụ. Nếu việc thu mua không thành công thì các đối tác là cá nhân phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đặt cọc cho Công ty. Các khoản đặt cọc được đảm bảo bằng chứng khoán hoặc giấy tờ có giá như Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, sổ tiết kiệm... Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, toàn bộ số tiền đặt cọc trên đã được Công ty thu hồi bằng tiền mặt do việc thu mua của các đối tác là cá nhân này không thành công.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014*

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>04. Hàng tồn kho</b>		
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.156.615.601	892.175.819
<b>Cộng</b>	<u><u>1.156.615.601</u></u>	<u><u>892.175.819</u></u>
<b>05. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
- Tạm ứng	2.063.319.277	1.969.916.620
<b>Cộng</b>	<u><u>2.063.319.277</u></u>	<u><u>1.969.916.620</u></u>

**06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
Số dư đầu năm	459.910.106	4.539.992.648	441.666.190	5.441.568.944
Số dư cuối quý	459.910.106	4.539.992.648	441.666.190	5.441.568.944
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	359.411.778	1.799.605.209	340.427.279	2.499.444.266
- Khấu hao trong kỳ	2.877.804	130.027.020	14.319.768	147.224.592
Số dư cuối quý	362.289.582	1.929.632.229	354.747.047	2.646.668.858
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>				
- Tại ngày đầu năm	100.498.328	2.740.387.439	101.238.911	2.942.124.678
- Tại ngày cuối quý	97.620.524	2.610.360.419	86.919.143	2.794.900.086

**07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Phần mềm tin học	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
Số dư đầu năm	25.036.576.214	25.036.576.214
Số dư cuối kỳ	25.036.576.214	25.036.576.214
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	4.277.139.148	4.277.139.148
- Khấu hao trong kỳ	646.933.140	646.933.140
Số dư cuối quý	4.924.072.288	4.924.072.288
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>		
- Tại ngày đầu năm	20.759.437.066	20.759.437.066
- Tại ngày cuối quý	20.112.503.926	20.112.503.926

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Chi phí xây dựng phần mềm chỉ số, phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm quản lý khách hàng	12.164.152.639	18.393.311.139
<b>Cộng</b>	<u><u>12.164.152.639</u></u>	<u><u>18.393.311.139</u></u>

*Handwritten marks and signatures at the bottom right corner.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>09. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	587.575.599	705.034.977
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	102.115.742	287.132.855
- Tài sản giảm theo Thông tư 45	206.307.953	0
- Chi phí khác	154.202.859	250.106.807
<b>Cộng</b>	<b>1.050.202.153</b>	<b>1.242.274.639</b>
<b>10. Tài sản dài hạn khác</b>		
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	289.643.771	370.966.088
<b>Cộng</b>	<b>289.643.771</b>	<b>370.966.088</b>
<b>11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>		
- Thuế giá trị gia tăng	152.051.684	531.245.324
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.505.006	47.179.049
- Thuế thu nhập cá nhân	12.956.926	61.914.507
- Thuế khác	5.000.109	5.000.109
<b>Cộng</b>	<b>195.513.725</b>	<b>645.338.989</b>
<b>12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ xử lý	378.850.234	378.850.234
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	0	19.304.557
- Các khoản khác	1.699.601.578	1.632.005.403
<b>Cộng</b>	<b>2.078.451.812</b>	<b>2.030.160.194</b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

**13.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	113.649.448	-	-	113.649.448
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	113.649.448	-	-	113.649.448
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	926.922.843	182.919.178	-	1.109.842.021
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.154.221.739</b>	<b>182.919.178</b>	<b>-</b>	<b>136.337.140.917</b>

**13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori	66.150.000.000	66.150.000.000
- Ông Vũ Đức Nghĩa	8.500.000.000	8.500.000.000
- Bà Võ Thị Hồng Vân	7.000.000.000	7.000.000.000
- Các cá nhân khác	53.350.000.000	53.350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>135.000.000.000</b>

*Handwritten signatures and stamps.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Kỳ này	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	135.000.000.000	135.000.000.000
<b>13.4 Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

14. Doanh thu	Đơn vị tính: VND	
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	554.712.398	358.821.575
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	150.960.800	13.382.800
- Doanh thu hoạt động tư vấn	3.629.145.675	30.960.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	0	
- Doanh thu khác	1.195.182.299	3.066.744.882
<b>Cộng</b>	<b>5.530.001.172</b>	<b>3.469.909.257</b>
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>Kỳ này</b>	
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	190.908.772	
2. Các khoản thu nhập không chịu thuế	150.960.800	
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế(*)	0	
4. Số lỗ kết chuyển	0	
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm( 4=1-2+3-4)	39.947.972	
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành( 5=4x20%)	7.989.594	


  
 283  
 CÔNG  
 CỔ PH  
 CHỨNG K  
 WOORI  
 KIỂM



**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**1.2. Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
- Tiền, các khoản tương đương tiền	13.386.093.844	13.386.093.844
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.711.515.870	9.711.515.870
- Các khoản phải thu khách hàng	1.619.727.450	1.619.727.450
- Trả trước cho người bán	7.408.134.495	7.408.134.495
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.070.743.619	3.570.155.166
- Phải thu khác	60.348.538.201	60.348.538.201

**1.3. Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<b>Số dư ngày 30/06/2014</b>
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	0
- Phải trả người bán	565.739.799
- Người mua trả tiền trước	230.296.271
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	10.276.302.086
- Chi phí phải trả	163.257.395
- Phải trả khác	2.078.451.812

**1.4. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

✓  
Tnh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**

<b>Đối tượng</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
- Phải trả người bán	565.739.799		565.739.799
- Người mua trả trước	230.296.271		230.296.271
- Phải trả khác	2.078.451.812		2.078.451.812
- Chi phí phải trả	163.257.395		163.257.395
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	10.276.302.086		10.276.302.086

**2. Số liệu so sánh**

- Số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ được lấy theo Số cuối năm trên Bảng cân đối kế toán tại Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.
- Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ được lấy trên Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2013 của Công ty đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam soát xét.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

- Trong kỳ, Công ty không giao dịch với các bên liên quan và tại thời điểm 30/06/2014 không có số dư với các bên liên quan.

Người lập

**NGUYỄN THỊ THU**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ LAN ANH**

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc

**VŨ ĐỨC NGHĨA**